

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST  
Ngày: 12/8/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Hoàng
2. Ông Phạm Văn Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34a/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 và Thông báo số 03/2022/ TB-TA ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 146C/1, Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 48B Võ Công Tồn, Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An..

**Bị đơn:** Bà Lê Thị Kim Thư, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 91 Huỳnh Châu Sỏ, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An..

Địa chỉ liên hệ: Số 116/1, Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Huỳnh Văn Sơn, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 91 Huỳnh Châu Sỏ, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An..

2. Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 48B Võ Công Tồn, Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An..

(Ông Lê Hoàng S, bà Lê Thị Kim Th có mặt; ông Huỳnh Văn S vắng mặt không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2021; Đơn khởi bổ sung ngày 03/3/2022 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu Th do Ông Lê Hoàng S đại diện trình bày:*

Thông qua sự quen biết, bà Th đã tiếp cận tạo lòng tin với bà Th 1 để vay tiền. Thời điểm bà Th vay tiền cũng là dịp gần tết Nguyên Đán do tin tưởng nhà bà Th có tiệm cầm đồ cần vốn làm ăn, nên bà Th 1 đã cho bà Th vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 30/10/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2021 bà Th vay bà Th 1 số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 23/01/2021 bà Th vay bà Th 1 số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 10/02/2021 bà Th vay bà Th 1 số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Th 1 cho bà Th vay 1.200.000.000 đồng đã thanh toán 250.000.000 đồng, còn nợ 950.000.000 đồng.

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/4/2021 bà Th 1 chỉ yêu cầu bà Th thanh toán số nợ trên, nhưng đến ngày 03/3/2022 bà Th 1 yêu cầu ông Huỳnh Văn S là chồng bà Th và bà Lê Thị Kim Th liên đới thanh toán cho bà Th 1 số tiền 950.000.000 đồng, vì bà Th vay trong thời kỳ hôn nhân với ông Huỳnh Văn Sơn, đồng thời để phục vụ cuộc sống hằng ngày của gia đình, nên cả hai phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 950.000.000 đồng cho bà Thảo.

*Tại Bản tự khai ngày 04/7/2022 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị Kim Th trình bày:*

Do quen biết nên bà có vay tiền của bà Th 1 nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 30/10/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2021 bà Th vay bà Th 1 số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2020 bà Th vay bà Th 1 số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 23/01/2021 bà Th vay bà Th 1 số tiền 350.000.000 đồng.

Ngày 10/02/2021 bà Th vay bà Th 1 số tiền 100.000.000 đồng.

Bà đã trả cho bà Th 1 số tiền 250.000.000 đồng, còn nợ lại 950.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Th xác định bà vay tiền của bà Th 1 để trả các khoản nợ bà vay trước đây, đồng thời bà cũng sử dụng số tiền vay của bà Th 1 để cho người khác vay lại. Tiền lãi từ các khoản cho vay này bà sử dụng vào việc lo cho các con đi học, sắm sửa, chi tiêu trong gia đình. Từ đầu năm 2018 đến đầu năm 2021 bà

vay nợ 8 tỷ đồng, việc bà vay tiền của bà Th 1 cũng như các chủ nợ khác chồng bà là ông Huỳnh Văn S không biết.

Hiện nay, tuy bà và ông S chưa làm thủ tục ly hôn, nhưng từ tháng 01/2022 cả hai không còn chung sống với nhau, bà đã chuyển hộ khẩu và sinh sống ở nhà cha mẹ ruột bà tại địa chỉ số 116/1 Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An, nên bà đồng ý tự mình trả hết số tiền 950.000.000 cho bà Thảo, nhưng bà yêu cầu cho được trả dần. Bà đề nghị không đưa ông Huỳnh Văn S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*Tại bản tự khai ngày 25/3/2022 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Hoàng S trình bày:*

Ông và bà Th 1 là quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức. Khi bà Th 1 cho bà Th vay tiền ông đều biết, nhưng nghĩ bà Th là hàng xóm láng giềng, lại gặp khó khăn nên ông cũng đồng ý để bà Th 1 cho bà Th vay tiền, số tiền 950.000.000 đồng tiền mà bà Th vay là tiền gốc, không phải là tiền lãi.

Ông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th 1 buộc bà Th cùng chồng là ông Huỳnh Văn S có trách nhiệm liên đới thanh toán bà Th 1 số tiền 950.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu và trình bày của mình cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức phát biểu:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thực hiện hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác định quan hệ tranh chấp, người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử cũng như Thư ký Tòa án tham gia giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

2. Về nội dung:

Xét thấy bà Th 1 khởi kiện yêu cầu bà Th và chồng ông Huỳnh Văn S liên đới trả bà số tiền nợ gốc là 950.000.000đ, bà Th 1 đã cung cấp các Giấy mượn tiền có chữ ký của bà Th thể hiện số tiền vay đúng như lời trình bày của bà Thảo.

Theo giấy mượn tiền có thỏa thuận thời gian bà Th phải thanh toán tiền nợ cho bà Th 1 nhưng đến hạn thanh toán bà Th không thanh toán cho bà Th 1 và đi khỏi địa phương. Bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Thảo.

Ngày 17/03/2022 bà Th 1 có lập Hợp đồng thông tin với Cơ quan Đài tiếng nói Việt Nam đăng thông báo về việc bà Th và ông Huỳnh Văn S phải liên hệ Tòa án để Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay với bà Thảo, việc này đã chứng minh bà Th 1 đã tiến hành thông báo về việc yêu cầu bà Th phải thanh toán số tiền trên. Ngày 04/07/2022 bà Thảo, bà Th đã được Tòa án tiến hành hòa giải vụ án nêu

trên, tại biên bản hòa giải bà Th thừa nhận nợ, số tiền đã trả, số tiền còn nợ như yêu cầu của bà Thảo, nhưng do điều kiện khó khăn bà Th xin trả dần. Tại biên bản hòa giải đại diện bà Th 1 thống nhất phương án bà Th đưa ra nhưng sau đó 02 bên thay đổi ý kiến vì vậy hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa bà Th thừa nhận nợ bà Th 1 số tiền như bà Th 1 yêu cầu, vì vậy việc bà Th nợ bà Th 1 số tiền như bà Th 1 yêu cầu là sự thật.

Bà Th 1 khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả cho bà Th 1 số tiền bà Th còn nợ, bà Th 1 đã cung cấp giấy nợ có chữ ký và số tiền như bà Th 1 trình bày, bà Th 1 trình bày cụ thể số tiền bà Th nợ, số tiền đã trả được, số tiền còn lại phù hợp với chứng cứ mà bà cung cấp cho Tòa án, bà Th thừa nhận nhưng xin trả dần, bà Th 1 không đồng ý, như vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại giấy vay nợ không thỏa thuận lãi suất, trong quá trình làm việc nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Bà Th 1 yêu cầu bà Th và chồng ông Huỳnh Văn S liên đới trả bà số tiền nợ trên, bà Th không đồng ý do bà Th cho rằng bà Th và chồng không còn sống chung nhưng khoản vay này được hình thành trong quá trình hôn nhân giữa bà Th và ông Huỳnh Văn S vẫn còn tồn tại hợp pháp, ông Huỳnh Văn S và bà Th vẫn còn sống chung nhà. Tại phiên tòa, bà Th trình bày đến tháng 02/2022 bà và ông S mới không còn ở chung, bà vay tiền cho vay lại và có lấy phần lãi cho việc chi tiêu trong gia đình, ông Huỳnh Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông không đưa ra ý kiến về việc này nhưng trên thực tế bà Th trình bày ngoài nợ bà Th 1 bà Th còn nợ 19 người khác và số nợ khoảng 8 tỷ trong thời gian 03 năm, chủ nợ nhiều lần đòi nợ, như vậy việc bà Th cho rằng ông S chồng bà không biết việc vay tiền này của bà là không hợp lý, lời trình bày của bà Th có nhiều mâu thuẫn không phù hợp với sự thật của vụ án. Đối với số tiền nợ bà Th 1 đây là số tiền lớn hơn nữa vay làm nhiều lần, thời gian vay kéo dài, ông S và bà Th vẫn còn chung sống cùng nhà, hôn nhân vẫn còn tồn tại thì có căn cứ xác định ông S phải biết việc vay này, nay bà Th 1 yêu cầu ông Văn Sơn và bà Th phải liên đới trả bà khoản tiền trên, nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 27, 33 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th 1 về yêu cầu buộc bà Th và ông S liên đới thanh toán phần nợ gốc 950.000.000đ cho bà Thảo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu bà Lê Thị Kim Thu, ông Huỳnh Văn S liên đới thanh toán tiền vay 950.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

[1.2] Về việc người tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu Th có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị Kim

Thư, nên xác định bà Th 1 là nguyên đơn; bà Th là bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Sơn, Ông Lê Hoàng S.

[1.3]. Ông Huỳnh Văn S vắng mặt không lý mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn S theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Số tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông S và bà Th đều thông nhất nội dung bà Th vay của bà Th 1 số tiền 1.200.000.000 đồng, đã thanh toán 250.000.000 đồng, còn nợ lại 950.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở khẳng định số tiền mà bà Th còn nợ bà Th 1 là 950.000.000 đồng. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà Th 1 có làm Đơn khiếu nại gửi đến Công an thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. để yêu cầu giải quyết tranh chấp với bà Thư, nhưng hòa giải không thành điều đó đã thể hiện bà Th 1 đã thông báo cho bà Th biết về việc bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu bà Th thanh toán số tiền 950.000.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, bà Th và ông Huỳnh Văn Sơn, sinh năm 1979, địa chỉ số 91 Huỳnh Châu Sở, Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. khi xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức vào ngày 03/9/2013 do đó hôn nhân giữa bà Th và ông Huỳnh Văn S là hợp pháp và hiện nay cả hai chưa làm thủ tục ly hôn.

Bà Th trình bày từ tháng 01/2022 bà và ông Huỳnh Văn S không còn chung sống chung nhà bà đã về nhà cha mẹ ruột ở số 116/1 Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Thời gian mà bà Th mượn tiền của bà Th 1 bắt đầu từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 trong thời gian này bà Th còn sinh sống với ông Huỳnh Văn Sơn. Đồng thời, bà Th trình bày từ tháng 01/2018 đến tháng 01/2021 đã mượn nợ khoảng 08 tỷ đồng trong đó có tiền mà bà vay của bà Thảo, nhưng ông S không hề hay biết là không có sổ vì trong thời gian này bà vẫn còn sinh sống trong nhà cùng ông Sơn, bà cũng thừa nhận thu nhập từ việc bà bán mỹ phẩm online là rất ít hầu như là không có, số tiền 08 tỷ là rất lớn và nhiều lần chủ nợ đến nhà bà để yêu cầu thanh toán.

Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay bà Th trình bày số tiền vay của bà Th 1 bà sử dụng để trả các khoản nợ bà đã vay trước đây và một phần bà cho người khác vay lại để lấy lãi. Tiền lãi này bà sử dụng để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình gồm ăn uống hằng ngày, sắm sửa vật dụng trong gia đình; chi phí cho con đi học. Căn cứ vào khoản 2 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nhu cầu thiết yếu* là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”.

Tại khoản 2 Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Từ những phân tích trên có cơ sở khẳng định bà Th vay tiền của bà Th 1 để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời gian bà Th còn chung sống với ông Huỳnh Văn Sơn, nên bà Th 1 yêu cầu bà Th và ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ liên

đổi thanh toán cho bà số tiền 950.000.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa hôm nay, bà Th yêu cầu được trả dần nhưng phía Ông Lê Hoàng S đại diện cho bà Th 1 không đồng ý, đồng thời pháp luật cũng chưa quy định chế định trả dần, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trả dần của bà Th.

[2.4] Về lãi suất: Theo Đơn khởi kiện ngày 16/4/2021; Đơn khởi bổ sung ngày 03/3/2022 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu Th do Ông Lê Hoàng S đại diện không yêu cầu bà Th phải trả lãi đối với số tiền 950.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về phần lãi suất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Th 1 được chấp nhận, nên bà Th và ông Huỳnh Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Thảo.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000đ, căn cứ Điều 180 BLTTDS, Bà Nguyễn Thị Thu Th là người yêu cầu nên phải chịu chi phí này, bà Th 1 đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 180, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 20 Điều 3; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu bà Lê Thị Kim Th và ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 950.000.000 đồng (chín trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc bà Lê Thị Kim Th và ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Lê Thị Kim Th và ông Huỳnh Văn S có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.250.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 0008382 ngày 23/12/2021 và số

0008569 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Bà Nguyễn Thị Thu Th là người yêu cầu nên phải chịu chi phí này, bà Th 1 đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hiền**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**